

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI**

Bản án số: 263/2026/HSST
Ngày: 11/5/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thành - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 264/2026/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Q**; Tên gọi khác: Tí nhỏ; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Nơi đăng ký thường trú: **Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh** (Địa chỉ cũ: **Ấp E, xã L, huyện B, tỉnh Long An**); Nơi ở hiện nay: **Khu phố C, phường T, thành phố Đ**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông **Hồ Văn Đ**, sinh năm 1968 (Đã chết) và bà **Trần A K**, sinh năm 1959 (còn sống); Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 22/01/2007, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) tuyên phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2010; **Ngày 02/6/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) tuyên phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy**; Ngày 29/11/2012, bị Toà án nhân dân huyện Tân Linh, Bình Thuận (nay là Toà án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng) tuyên phạt 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp với bản án xét xử ngày 02/6/2011, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 16 năm 01 ngày tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/09/2022; Tiền sự: Không; Bị bắt ngày 20/8/2025 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 3787 ngày

14/8/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T – Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đ.

- Bị hại: Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1988; Địa chỉ: H tổ A, KP.30, P. T, thành phố Đ; Tạm trú tại: P, K, tổ A, KP.30, P. T, thành phố Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Thanh S, sinh năm 1988; Địa chỉ: H tổ A, KP. 30, P. T, thành phố Đ

(Bị cáo có mặt, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 04/04/2025, Trần Q (tên gọi khác: T nhỏ) cùng với Nguyễn Quốc B (sinh năm 1988, tạm trú tại phòng trọ số H, K4A, tổ A, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai, nay là thành phố Đ) và Phạm Thanh S (tên gọi khác: L khờ, sinh năm 1988, cư trú tại số H, tổ A, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai, nay là thành phố Đ) ngồi chơi ở khu vực sau bến xe khách Đồng Nai thì giữa Q và B xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và thách thức đánh nhau. Sau đó, Q bỏ về thì B điều khiển xe chạy lên và dùng chân đạp Q 01 cái. Lúc này, Q nhờ S chở đi đến khu vực bãi rác gần bên đò thuộc tổ E, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ), Q nói S đứng đợi còn Q đi xuống khu vực bãi rác cách vị trí S đứng khoảng 20 mét lấy 01 (một) con dao tự chế, dài khoảng 01 mét đựng trong hộp giấy (loại hộp giấy đựng bóng đèn) dài khoảng 01 mét (S không biết việc Q đi lấy dao).

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, S điều khiển xe chở Q đi ngang qua khu vực dây trụ ở địa chỉ K, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố C, phường T, thành phố Đ) thì gặp Vũ Ngô D (con trai B –sinh năm 2009) và B đang cầm 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 85cm đứng trước cửa dây trụ cách chỗ Q khoảng 100 mét. Lúc này, Q nhảy xuống xe cầm theo dao chạy đến chỗ D và B đang đứng. Q và B xông vào dùng dao chém nhau. Q vùng ngang con dao chém 01 nhát trúng vào vùng đầu của B. Q bị hụt chân té nên B chạy lại dùng dao chém trúng vào ngón chân của Q, Q vùng dậy tiếp tục dùng dao chém 01 nhát trúng vào vùng cẳng của B. Thấy vậy, D vào nhà lấy 01 khẩu súng bắn về phía Q 01 phát nhưng không trúng. Lúc này, S cùng với chị Vũ Thị Thu H (vợ B) chạy ra can ngăn, S điều khiển xe chở Q bỏ đi còn B được đưa đi cấp cứu. Tại Cơ quan điều tra, Trần Q khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Vật chứng:

- 01 USB ghi lại diễn biến vụ án (lưu giữ tại hồ sơ vụ án).
- 01 (một) con dao tự chế, dài khoảng 01 mét Trần Q sử dụng gây thương tích cho Nguyễn Quốc B đã bị vứt mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.
- 01 (một) dao tự chế dài 85 cm, bản rộng 3,6 cm (là dao của Nguyễn Quốc B sử dụng đánh nhau với Trần Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tách ra giải quyết trong vụ việc khác.

- 01 (một) khẩu súng bằng nhựa (dạng súng hơi) màu đen có chiều dài khoảng 1m (đã bị hư hỏng), 05 (năm) viên đạn kim loại hình cầu (dùng làm đạn súng hơi). Sau khi giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã chuyển tổ Cảnh sát quản lý hành chính để xử lý theo quy định.

* Tại kết luận giám định số 1761/KL-KTHS ngày 12/5/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“1. Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế (dạng súng hơi cùn). Hiện tại dây dẫn điện bị đứt và bộ phận kích điện không có nên không bắn được đạn ra khỏi nòng súng. Khẩu súng nêu trên không phải vũ khí và không phải vũ khí quân dụng.

2. 05 (năm) viên kim loại gửi giám định là đạn hình cầu sử dụng được cho các loại súng khí nén có đường kính nòng từ 5mm. Hiện tại 05 (năm) viên kim loại này không phải là vũ khí và không phải vũ khí quân dụng”.

* Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 0364.02/KLTTCT-TTPYĐN ngày 05/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận ông Nguyễn Quốc B bị thương tích như sau:

- Sẹo thái dương trái kích thước trung bình. Tỷ lệ: 02%.
- Sẹo vùng cằm phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 03%.
- Mẻ bản ngoài xương sọ vùng đỉnh trái. Tỷ lệ: 11%.
- Mẻ xương bờ dưới xương hàm dưới vùng cằm lệch phải. Tỷ lệ: 03%.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Quốc B, sinh năm 1988 tại thời điểm giám định là: 18% (Mười tám phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.”

Quá trình điều tra, Trần Q khai: Q nhờ S chở Q đi lấy dao đánh Nguyễn Quốc B và S đồng ý. Còn S chỉ thừa nhận hành vi có chở Q đi nhưng không thừa nhận việc được rủ và biết việc Q lấy dao. S khai, khi thấy B và D cầm hung khí xông đến chỗ Q đánh nhau thì S có chạy đến và hô “Công an” để ngăn cản. Nguyễn Quốc B, Vũ Ngô D và chị Vũ Thị Thu H khai: Trong lúc B và Q đánh nhau, S có chạy đến chỗ Q thì bị D cầm súng hăm dọa nên bỏ chạy.

Đối với Nguyễn Quốc B có hành vi dùng dao chém vào ngón chân của Q gây thương tích nhẹ và Q không đi khám, không điều trị tại các cơ sở y tế nên không có căn cứ xử lý đối với B về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Quá trình điều tra, Trần Q đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho Nguyễn Quốc B số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bị hại B tiếp tục yêu cầu Q bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 254/CT-VKSKV1 ngày 03/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; Về trách nhiệm dân sự: Căn

cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 584, 585 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tuyên: Buộc **Trần Q** bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác cho **Nguyễn Quốc B** theo quy định pháp luật.

Ngày 24/3/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ vai trò đồng phạm của **Phạm Thanh S** trong vụ án.

Ngày 22/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai đã ban hành Công văn số 38/CV-VKSKV1 về việc giữ nguyên quan điểm và chuyển hồ sơ cho Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền. Theo đó, Viện kiểm sát cho rằng: Kết quả điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh **S** đồng phạm với **Q** về hành vi “Cố ý gây thương tích”, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi của **S** ra, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đồng ý và không có ý kiến gì về Cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy, bị hại **Nguyễn Quốc B** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Phạm Thanh S** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Quá trình điều tra, anh **B** và anh **S** đã có lời khai, việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ ngày 04/04/2025, tại khu vực trước dãy trọ ở địa chỉ K, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố C, phường T, thành phố Đ), do mâu thuẫn trong sinh hoạt, Trần Q và Nguyễn Quốc B xảy ra cãi vã và thách thức đánh nhau. Trần Q có hành vi dùng 01 con dao tự chế dài khoảng 01m chém trúng vào vùng đầu và vùng cằm của Nguyễn Quốc B gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18%.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai đã viện dẫn và truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì mâu thuẫn với bị hại, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, điều đó thể hiện bản tính hung hăng, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo đã từng nhiều lần bị xét xử về các tội liên quan đến ma túy, mỗi lần bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trong thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo là người rất khó cải tạo; bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xử lý bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả đối với bị hại. Do đó, cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi, sau khi bị cáo và bị hại xảy ra cãi vã, bị cáo đã bỏ về, bị hại điều khiển xe chạy lên và dùng chân đạp bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của của bị cáo, vừa thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa chung vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2025, bị hại Nguyễn Quốc B khai quá trình điều tra, Trần Q đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho Nguyễn Quốc B số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bị hại B tiếp tục yêu cầu bị cáo Trần Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thanh S bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng cho bị hại nên ghi nhận. Quá trình điều tra, bị cáo đã

bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 57.000.000 đồng.

Đối với **Phạm Thanh S**: Kết quả điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh **S** đồng phạm với **Q** về hành vi “Cố ý gây thương tích”, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi của **S** ra, tiếp tục làm rõ xử lý sau vì vậy chưa đủ cơ sở buộc **S** phải liên đới cùng bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền trên. Do đó, bị cáo có quyền khởi kiện đối với **Phạm Thanh S** bằng một vụ án khác.

[6] Các vấn đề khác:

+ Đối với **Vũ Ngô D** có hành vi cất giấu 01 (một) khẩu súng bằng nhựa (dạng súng hơi) màu đen có chiều dài khoảng 1m (đã bị hư hỏng), 05 (năm) viên đạn kim loại hình cầu (dùng làm đạn súng hơi), kết luận giám định không phải là vũ khí hay vũ khí quân dụng. **Công an phường T** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

+ Đối với **Phạm Quốc B1** có hành vi sử dụng 01 con dao tự chế chém nhau với **Trần Q** nhưng không xác định được thương tích của **Q**. Kết quả giám định con dao này là kiểm thuộc Phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của **Bộ C**.

+ Đối với **Phạm Thanh S**: Ngày 24/3/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ vai trò đồng phạm của **Phạm Thanh S** trong vụ án. Ngày 22/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai đã ban hành Công văn số 38/CV-VKSKV1 về việc giữ nguyên quan điểm cho rằng: Kết quả điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh **S** đồng phạm với **Q** về hành vi “Cố ý gây thương tích”, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi của **S** ra, tiếp tục làm rõ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** tiếp tục điều tra vai trò đồng phạm tội “cố ý gây thương tích” của **Phạm Thanh S** và xử lý theo quy định nếu có đủ căn cứ.

[8] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Q** phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 1, điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Q** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2025

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo **Trần Q** về việc bồi thường cho bị hại **Nguyễn Quốc B** số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), căn trừ số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị cáo **Trần Q** phải tiếp tục bồi thường cho bị hại anh **Nguyễn Quốc B** số tiền 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Trần Q** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.850.000đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Công an thành phố Đồng Nai;
- Sở Tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- Lưu: HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiều Thị Phi Loan Nguyễn Thái Hòa

Lê Thị Tám

